

PHỤ LỤC: BẢO CẤP MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG XÃ BA VÌ

TT	Lý trình	Tổng chiều dài (m)	Tổng chiều dài đã được cứng hóa, đi lại bằng ô tô (m)	Tổng đường thôn và đường liên thôn chưa được cứng hóa, đi lại bằng ô tô	Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn đã được cứng hóa (%)	Ghi chú
	Từ (Km) đến (Km)					
	Đường thôn	24.265	11.775	12.490		24.265
1	ĐTh. Nước_Xuyên - ĐH.67C đi Ma Nin	.120	24	96	20	2.173
2	ĐTh. Nước_Xuyên - ĐH.67C đi Nước Rò	1.881	564	1.317	30	
3	ĐTh. Nước_Xuyên - ĐH.67C đi Đồng Rò	172	69	103	40	
4	ĐTh. Gò_Vành - ĐH.67C đi tổ Ma Nin	528	317	211	60	1.086
5	ĐTh. Gò_Vành - ĐH.67C đi Sân vận động	337	169	169	50	
6	ĐTh. Gò_Vành - QL24 đi tổ Mang Cong	221	133	88	60	
7	ĐTh. Giá_Vực - QL24 đi nhà VHx	147	118	29	80	147
8	ĐTh. Mang_Đen - đường nhánh 1	304	35	269	12	630
9	ĐTh. Mang_Đen - đường nhánh 2	326	33	293	10	
10	ĐTh. Nước_Ui - Tuyến nhánh đi thác Tà Manh	765	383	383	50	1.394
11	ĐTh. Nước_Ui - tuyến nhánh đi khu xử lý NSH	459	92	367	20	
12	ĐTh. Nước_Ui - Tuyến nhánh đi xóm	170	34	136	20	
13	ĐTh. Gò_Năng - Tuyến cầu Pa Ranh đi xóm ông Thiều	533	240	293	45	2.189
14	ĐTh. Gò_Năng - Tuyến QL24 đi xóm ông Téo	416	42	374	10	
15	ĐTh. Gò_Năng - Tuyến QL24 đi trại ông Thắng	934	654	280	70	
16	ĐTh. Gò_Năng - Tuyến QL24 xóm Gò Năng	306	306	-	100	
17	ĐTh. Nước_Tĩa - Tuyến nhánh 01 Nước Tĩa	.796	199	597	25	1.143
18	ĐTh. Nước_Tĩa - Tuyến nhánh 02 Nước Tĩa	347	139	208	40	
19	ĐTh. Mang_Biêu - Tuyến nhánh N1	306	214	92	70	526
20	ĐTh. Mang_Biêu - Tuyến nhánh N2	220	66	154	30	
21	ĐTh. Làng_Trui - Tuyến khu tái định cư Làng Trui	767	767	-	100	1.732
22	ĐTh. Làng_Trui - Tổ 1 Làng Trui	965	676	290	70	
23	ĐTh. Krây - Tuyến nhánh 01 đi Gò Pa Nu	2.290	1.603	687	70	3.543
24	ĐTh. Krây - Tuyến nhánh đi hướng thôn Nước Lầy	1.253	251	1.002	20	
25	ĐTh. Krên - Tuyến QL24 nối tuyến Krên đi Ba Lăng	291	175	116	60	1.382
26	ĐTh. Krên - Tuyến nhánh ĐTh. 01.Krên đi tổ 3 thôn Krên	611	-	611	-	
27	ĐTh. Krên - Tuyến nhánh ĐTh. 01.Krên đi đèo Violắc	290	261	29	90	
28	ĐTh. Krên - Tuyến nhánh ĐTh. 01.Krên đi thác suối Nước Non	190	133	57	70	
29	ĐTh. Ba_Lăng - Tuyến Krên - Ba Lăng đi tổ 3 thôn Ba Lăng	382	229	153	60	685
30	ĐTh. Ba_Lăng - Tuyến QL24 đi tổ 1 thôn Ba Lăng	303	242	61	80	
31	ĐTh. Tà_Noát - Tuyến QL24 đi tổ 3 thôn Tà Noát	369	185	185	50	733
32	ĐTh. Tà_Noát - Tuyến nhánh N1	124	-	124	-	
33	ĐTh. Tà_Noát - Tuyến nhánh N2	240	216	24		
34	ĐTh. Ngã 3 số 1 đi tổ 2 thôn Nước Lầy	1.426	1.141	285	80	6.902
35	ĐTh. Ngã 3 số 2 đi tổ 2 thôn Nước Lầy	1.027	411	616	40	
36	ĐTh. Tuyến từ Suối Nước lầy đi xóm Mang Pót	2.049	615	1.434	30	
37	ĐTh. Tuyến từ cầu treo đi xóm Ka Vong	649	519	130	80	
38	ĐTh. Tuyến từ xóm Ka Vong đi xóm Núi	1.751	525	1.226	30	